

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VY
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HS-ST
Ngày 27 tháng 02 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VY, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình

Ông Sái Văn Trọng

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố VY.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VY tham gia phiên tòa: Bà
Vũ Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố VY, tỉnh
Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2019/ HSST
ngày 30 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
19/2018/QĐXX ngày 13/02/2019, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 26 tháng 5 năm 1987, tại Vĩnh Phúc; nơi
cư trú: thôn C, xã Q, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ
văn hoá: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt
Nam; con ông Nguyễn Xuân M (đã chết) và bà Lê Thị Thu H; vợ, con: chưa có;
tiền sự: Không. Tiền án: 02. + Tại bản án số 47/2009/HSST ngày 22/9/2009,
Tòa án nhân dân huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Xuân Đ 09 tháng tù
nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 02 tháng về tội “Trộm
cấp tài sản”. Trị giá tài sản trộm cắp là 7.833.000đ. Về án phí hình sự sơ thẩm,
án phí dân sự trong hình sự Đ thi hành xong vào tháng 3/2012. + Tại bản án số
57/2013/HSST ngày 29/7/2013, Tòa án nhân dân huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc xử
phạt Nguyễn Xuân Đ 01 năm 03 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm
đoạt tài sản”, phạm tội ngày 01/8/2011. Trị giá tài sản chiếm đoạt là
12.000.000đ. Đ chấp hành án xong, ra trại ngày 14/7/2014. Về số tiền phải truy
thu sung quỹ Nhà nước hiện nay Đ vẫn chưa thi hành xong. Nhân thân: Tại bản
án Hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân
huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ 01 năm 03 tháng tù
về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự (Trị giá tài
sản chiếm đoạt là 1.455.930đ – do bị cáo có tiền án về tội chiếm đoạt chưa được

xóa án tích), thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án; + Ngày 16/01/2019, Nguyễn Xuân Đ bị cơ quan CSĐT Công an thành phố VY ra quyết định khởi tố vụ án số 34 và quyết định khởi tố bị can số 55 về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điều 173 Bộ luật Hình sự (hiện vụ án đang trong giai đoạn điều tra). Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2018 đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Văn N, sinh ngày 28 tháng 3 năm 1988, tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố ĐP, phường ĐT, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị C; có vợ là Nguyễn Thị H (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2013 hiện nay đang ở với chị H. Tiền sự, tiền án: Không. Nhân thân: + Tại quyết định số 21 ngày 30/01/2006, Nguyễn Văn N bị Công an thị xã VY, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích với mức phạt 100.000đ, ngày 08/6/2006, N đã nộp phạt xong; + Tại Quyết định số 425 ngày 25/3/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố VY, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Văn N thời hạn 24 tháng, đến ngày 26/10/2011 N thi hành xong trở về địa phương; + Tại quyết định số 2231 ngày 28/6/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố VY, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Văn N thời hạn 24 tháng, đến ngày 11/10/2013 N bị cơ quan CSĐT Công an thành phố VY khởi tố và ra lệnh bắt bị can để tạm giam về tội Trộm cắp tài sản; + Tại quyết định số 10 ngày 04/02/2013, Nguyễn Văn N bị Công an phường ĐT, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội với mức phạt 1.500.000đ, ngày 05/02/2013, N đã nộp phạt xong; + Tại bản án số 158/2013/HSST ngày 22/11/2013, Tòa án nhân dân thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Văn N 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Trị giá tài sản trộm cắp là 350.000đ (do trước đó N đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản), N chấp hành án xong, ra trại ngày 11/7/2014. Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự trong hình sự, N thi hành xong vào tháng 01/2014. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2018 đến nay (có mặt).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Văn H1, sinh năm 1991; trú tại: Thôn C, xã Q, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 07/11/2018, Nguyễn Xuân Đ và Nguyễn Văn N, đang chơi ở khu vực chợ Hương Canh, thị trấn Hương Canh, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc thì Đ nảy sinh ý định mua ma túy để sử dụng nên Đ hỏi N: “có tiền không?”, N bảo: “có”. Đ bảo: “tao với mày góp tiền đi mua ma túy về sử dụng

chung”, N đồng ý rồi đưa cho Đ 325.000đ, Đ góp thêm 475.000đ. Cả hai góp được 800.000đ, Đ cất giữ để đi tìm mua ma túy về sử dụng. Sau đó, Đ đưa xe máy nhãn hiệu TIANMA màu sơn xanh, BKS: 30Z3 – 8132 của Đ cho N điều khiển, Đ ngồi phía sau đi lên thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên để mua ma túy. Khi lên đến khu vực thành phố Thái Nguyên, Đ bảo N đi vào một ngõ nhỏ (không biết chính xác địa chỉ) thì gặp một người phụ nữ khoảng 40 tuổi (Đ và N không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này), Đ xuống xe đến gặp hỏi và mua được của người phụ nữ này 06 gói ma túy Hêrôin với giá 800.000đ. Sau khi mua được ma túy, Đ cất giấu ma túy vào túi áo khoác của mình rồi N điều khiển xe máy trên chõ Đ về thành phố VY. Khi đến tổ dân phố M, phường KQ, thành phố VY, Đ bảo N đi vào một ngôi nhà bỏ hoang để ngủ qua đêm, N đồng ý. Tại đây, Đ, N chia số ma túy trên thành 09 gói nhỏ, sau đó cất giấu số ma túy trên vào vì kèo trong ngôi nhà hoang rồi cả hai nằm ngủ. Ngủ được một lúc, Đ và N dậy rồi lấy 09 gói ma túy xuống, mỗi người sử dụng 01 gói bằng hình thức chích vào cơ thể. Sử dụng xong ma túy, N và Đ lại nằm ngủ và để 07 gói ma túy Hêrôin còn lại trên bề mặt tấm xốp.

Khoảng 06 giờ ngày 08/11/2018, Nguyễn Văn H1 (là em trai Đ) điều khiển xe máy, nhãn hiệu Honda màu sơn đỏ đen bạc, BKS 29G1 – 136.78 đến ngôi nhà hoang ngủ cùng Đ và N. Khoảng 12 giờ cùng ngày, tổ công tác công an phường KQ, thành phố VY đến kiểm tra hành chính ngôi nhà trên đã phát hiện, lập biên bản sự việc. Tang vật thu giữ: Thu trên bề mặt tấm xốp N, Đ và H1 đang nằm 07 gói nilon màu đen bên trong có chứa chất bột màu trắng (Đ và N khai nhận là ma túy Hêrôin của N và Đ góp tiền mua để cùng sử dụng), được niêm phong ký hiệu A1, tạm giữ của Đ 01 xe máy BKS: 30Z3 – 8132, cùng đăng ký xe máy và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1034; của N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel; tạm giữ của H1 01 xe máy BKS 29G1 – 136.78.

Tại bản kết luận giám định số: 1675/KLGĐ ngày 13/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Chất bột màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy lẫn tạp chất, loại Hêrôin. Khối lượng mẫu gửi giám định là 0,4440g (không kể bao bì). Khối lượng Hêrôin có trong 0,4440g mẫu là 0,3779g (không kể bao bì)”. Hoàn trả trực tiếp cho cơ quan trưng cầu giám định gồm: 0,3062g mẫu và toàn bộ bao gói.

Cáo trạng số: 22/CT-VKSTPVY ngày 29/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố VY truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân Đ và Nguyễn Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo Nguyễn Xuân Đ theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Nguyễn Văn N theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Văn N khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H1 vắng mặt, quá trình điều tra khai: Khoảng 06 giờ ngày 08/11/2018, H1 đi tìm gặp Đ thì thấy Đ

và N đang ngủ tại một ngôi nhà bỏ hoang ở tổ dân phố M, phường KQ, thành phố VY nên H1 vào nằm ngủ cùng Đ và N thì Công an kiểm tra hành chính lập biên bản về việc Đ, N tàng trữ ma túy. H1 không góp tiền cùng Đ và N để đi mua ma túy, không được sử dụng ma túy cùng và cũng không biết gì về việc tàng trữ trái phép chất ma túy của Đ và N. H1 bị giữ chiếc xe máy BKS: 29G1 – 136.78 và xin nhận lại.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân Đ và Nguyễn Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; áp dụng: Điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Xuân Đ, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 01 năm 03 tháng của bản án Hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 09 tháng tù. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn N, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 để giải quyết vật chứng của vụ án. Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Văn N không bào chữa và tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Xuân Đ và Nguyễn Văn N tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội; phù hợp với Biên bản sự việc; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng đã thu giữ; phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Hồi 12 giờ 10 phút ngày 08/11/2018, tại tổ dân phố M, phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc tổ công tác Công an phường KQ, thành phố VY tiến hành kiểm tra hành chính phát hiện, lập biên bản sự việc Nguyễn Xuân Đ và Nguyễn Văn N có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho nhu cầu nghiện hút của bản thân. Thu giữ của Đ và N 07 gói nilon nhỏ bên trong có 0,4440g chất bột màu trắng qua giám định có chất ma túy Hêrôin, trọng lượng ma túy Hêrôin trong mẫu vật giám định là 0,3779g.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Xuân Đ và Nguyễn Văn N như trên đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Nguyễn Xuân Đ đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích, đã tái phạm nay lại phạm tội do cố ý, do vậy lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nội dung điều luật quy định: “2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:...

o, Tái phạm nguy hiểm.”

Tội phạm và hình phạt đối với Nguyễn Văn N được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nội dung điều luật quy định: “1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy...thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...

c) Heroine ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý xã hội được pháp luật bảo vệ. Heroin là một trong số những chất ma túy gây nghiện nguy hiểm do Nhà nước ta độc quyền quản lý, Nhà nước nghiêm cấm các hành vi mua bán, sản xuất, tàng trữ,...trái phép chất ma túy vì tính chất nguy hiểm, nghiêm trọng của nó. Tàng trữ trái phép chất ma túy là tiền đề để từ đó hành vi mua bán hay sử dụng trái phép chất ma túy được thực hiện, từ đó góp phần tạo nên những người nghiện ma túy. Nghiện ma túy làm con người bị lệ thuộc vào ma túy, nhiều khi không làm chủ được bản thân, kinh tế bị ảnh hưởng; nó là một trong những nguyên nhân gây lây nhiễm căn bệnh thế kỷ HIV, và từ đó có thể nảy sinh ra nhiều tệ nạn xã hội cũng như hành vi phạm tội khác như trộm cắp, cướp giật, lừa đảo chiếm đoạt tài sản ..., gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Mặc dù, Nhà nước ta có những quy định để xử lý nghiêm khắc đối với hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy, tuy nhiên hiện nay loại tội phạm này vẫn chưa giảm, mà diễn biến ngày càng phức tạp, tinh vi làm quần chúng nhân dân phẫn nộ, bất bình.

Xét vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án này thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Xuân Đ là đối tượng có vai trò chính, là người rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi mua ma túy để sử dụng cùng N; bản thân bị cáo Đ đã có 02 tiền án, cả hai bản án này đều chưa được xóa án tích nhưng Đ không chịu khó tu dưỡng, cải tạo làm con người lương thiện làm ăn chân chính, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Ngoài hành vi phạm tội này Đ còn bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản (Bản án Hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 25/01/2019, Tòa án nhân dân huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt bị cáo Đ 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã có hiệu lực pháp luật) và bị cáo Đ còn bị Công an thành phố VY đang khởi tố về hành vi trộm cắp tài sản. Đối với bị cáo N trước khi phạm tội cũng đã nhiều lần bị xử phạt hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, vi phạm an ninh trật tự và xử về tội “Trộm cắp tài sản”, tuy đã được xóa

án tích nhưng điều đó cũng thể hiện N là người không tuân thủ pháp luật. Trong vụ án này, ngay sau khi được Đ rủ mua ma túy để sử dụng N đã đồng ý, góp tiền để mua ma túy chung với Đ. Các bị cáo trong vụ án không có sự bàn bạc, phân công cụ thể, mang tính nhất thời và là đồng phạm giản đơn; Đ, N đều mắc vào tệ nạn xã hội (sử dụng ma túy), biết rõ tác hại của ma túy nhưng vì nhu cầu sử dụng ma túy của mình vẫn thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bất chấp quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần xử các bị cáo mức hình phạt nghiêm minh tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo Đ, N đó là: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết nào. Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù nghiêm minh trên mức khởi điểm của khung hình phạt như đại diện Đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai báo phù hợp với quy định của pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[3] Về đối tượng liên quan và vật chứng:

Đối với Nguyễn Văn H1 là người đã ngủ cùng với Đ và N tại ngôi nhà bỏ hoang ở tổ dân phố M, phường KQ, thành phố VY, quá trình điều tra xác định: Khoảng 06 giờ ngày 08/11/2018, H1 đi tìm gặp Đ thì thấy Đ và N đang ngủ nên H1 vào nằm ngủ cùng Đ và N. H1 không góp tiền cùng Đ và N để đi mua ma túy, không được sử dụng ma túy cùng và cũng không biết gì về việc tàng trữ trái phép chất ma túy của Đ và N, do vậy, cơ quan CSĐT không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với người phụ nữ Đ, N khai đã bán ma túy cho Đ và N vào đêm ngày 07/11/2018, rạng sáng ngày 08/11/2018 tại Thái Nguyên. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Đ và N đều khai không biết tên, tuổi, địa chỉ của người phụ nữ trên, chỉ biết người phụ nữ đó khoảng 40 tuổi, cao khoảng 1m50, dáng người đậm béo. Đây là lần đầu tiên Đ và N gặp và mua ma túy của người phụ nữ này. Ngoài lời khai của Đ và N, không có tài liệu nào xác định chính xác nhân thân, lai lịch đối tượng đã bán ma túy cho Đ và N. Do vậy, cơ quan CSĐT Công an thành phố VY tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Đối với số tiền 800.000đ mà Đ và N dùng để mua ma túy, quá trình điều tra, Đ và N đều khai nhận số tiền trên là của Đ và N do lao động tích cóp mà có.

Đối với 01 chiếc nhãn hiệu Nokia thu giữ của Đ và 01 chiếc nhãn hiệu Mastel thu giữ của N, qua điều tra xác định: 02 chiếc điện thoại trên là tài sản hợp pháp của Đ và N dùng để liên lạc hàng ngày, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Đối với xe máy BKS: 30Z3 – 8132: Qua điều tra và tại phiên tòa xác định, xe máy trên đứng tên chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980 ở thôn NT, xã TL, huyện ML, thành phố Hà Nội. Khoảng tháng 5 năm 2018, chị L đã bán chiếc xe máy trên cho Nguyễn Xuân Đ, khi bán có đầy đủ giấy tờ nhưng Đ đã làm mất, tiền mua xe do Đ lao động tích cóp mà có. Ngày 07/11/2018, Đ đã sử dụng chiếc xe máy trên để cùng N đi lên thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên mua ma túy Hêrôin về sử dụng, đó là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với xe máy BKS: 29G1 – 136.78 tạm giữ của anh Nguyễn Văn H1, qua điều tra xác định, xe máy trên đứng tên đăng ký sở hữu hợp pháp là anh Phạm Việt A, sinh năm 1982; ở tổ 30, phường KT, quận TX, thành phố Hà Nội. Khoảng tháng 5/2018, anh Việt A bán cho một cửa hàng mua bán xe máy cũ (không nhớ địa chỉ và tên cửa hàng), có viết giấy tờ mua bán xe và anh Việt A giao cho chủ cửa hàng giữ toàn bộ giấy tờ xe. Khoảng 6/2018, anh H1 đã mua xe máy BKS: 29G1 – 136.78 tại một cửa hàng mua bán xe máy cũ tại thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (không nhớ tên, địa chỉ cửa hàng), dùng làm phương tiện đi lại, khi mua xe có viết giấy tờ nhưng anh H1 đã làm mất. Ngày 08/11/2018, anh Nguyễn Văn H1 điều khiển xe máy trên đến ngôi nhà bỏ hoang ở M, phường KQ, thành phố VY ngủ cùng Đ và N thì bị tạm giữ; anh H1 không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Đ và N, hơn nữa cơ quan điều tra đã xác minh tra cứu xe máy vật chứng cho thấy xe máy trên không phải là xe tang vật. Do vậy, cần trả lại chiếc xe máy BKS: 29G1 – 136.78 cho anh H1 là phù hợp.

Đối với số ma túy và toàn bộ bao gói còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015.

[5] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ: 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng của Bản án Hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-

ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc buộc bị cáo Nguyễn Xuân Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 (Bảy) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 08/11/2018.

Căn cứ vào: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N: 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 08/11/2018.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 0,3062 gam ma túy Hêrôin cùng toàn bộ bao gói còn lại sau giám định.

- Tịch thu để bán sung quỹ nhà nước xe máy BKS: 30Z3 – 8132 cùng đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị L của Nguyễn Xuân Đ là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho Nguyễn Xuân Đ 01 điện thoại di động hiệu Nokia; trả lại cho Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel nhưng tiếp tục tạm giữ 02 điện thoại di động của Đ và N nêu trên để đảm bảo thi hành án; trả lại cho Nguyễn Văn H1 01 chiếc xe máy BKS: 29G1 – 136.78.

(Các vật chứng có đặc điểm theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 21 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố VY).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố VY;
- Công an thành phố VY;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VY;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS + VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Văn Mạnh

